

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ  
có sử dụng ngân sách nhà nước địa phương**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;*

*Căn cứ Thông tư 05/2014/TT-BKHHCN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành “Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ”;*

*Căn cứ Thông tư 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư 03/2017/TT-BKHHCN ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư 09/2014/TT-BKHHCN ngày 27 tháng 5 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư 11/2014/TT-BKHHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ;*

*Căn cứ Thông tư 04/2015/TT-BKHHCN ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHHCN-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính quy định khoản chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;*

Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 02/2020/TT-BKHCN ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ Hướng dẫn thi hành khoản 1 Điều 41 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 2669/TTr-SKHCN ngày 24 tháng 12 năm 2020,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước địa phương.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 01 năm 2021 và thay thế Quyết định số 29/2016/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước địa phương.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế; Thủ trưởng các tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ KHCN;
- Thường trực TU, TTHĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL của Bộ Tư pháp;
- Sở Tư pháp;
- Công TTĐT tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- VP: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, CN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**



**Phan Ngọc Thọ**

## QUY CHẾ

### Quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước địa phương

(Ban hành kèm theo Quyết định số 72 /2020/QĐ-UBND ngày 31/ 12/2020  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

## Chương I

### QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là nhiệm vụ KHCN) có sử dụng ngân sách nhà nước địa phương bao gồm: Việc đề xuất nhiệm vụ KHCN; đăng ký nộp và tiếp nhận nhiệm vụ khoa học và công nghệ; tuyển chọn, tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp; về chủ trì hoặc tham gia thực hiện nhiệm vụ KHCN; đánh giá, thẩm định dự toán, quyết toán, thanh lý hợp đồng, nghiệm thu nhiệm vụ KHCN; về phổ biến và sử dụng kết quả nhiệm vụ KHCN và về quản lý nhiệm vụ KHCN.

2. Các nhiệm vụ KHCN được điều chỉnh bởi Quy chế này bao gồm: Các nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh; các nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở và các nhiệm vụ KHCN khác có sử dụng ngân sách nhà nước địa phương.

a) Nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh bao gồm các đề tài, dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây gọi tắt là UBND tỉnh) quyết định phê duyệt, sử dụng ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ được phân bổ và chuyển vào Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Thừa Thiên Huế.

b) Nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở bao gồm các đề tài, dự án do thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị hoặc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế (sau đây gọi tắt là UBND cấp huyện) quyết định phê duyệt, sử dụng ngân sách tỉnh phân bổ cho sở, ban, ngành, đơn vị hoặc UBND cấp huyện.

c) Các nhiệm vụ KHCN khác thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này là các nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia ủy quyền cho địa phương quản lý, các nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia có sử dụng kinh phí đối ứng từ ngân sách nhà nước địa phương.

3. Các nhiệm vụ KHCN sử dụng nguồn kinh phí tự có của các tổ chức và cá nhân và các nguồn tài trợ khác không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân tham gia thực hiện quản lý nhiệm vụ KHCCN.

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Các thuật ngữ sử dụng trong Quy chế này được hiểu theo nghĩa sau đây:

1. *Nhiệm vụ KHCCN* là những vấn đề khoa học và công nghệ cần được giải quyết để đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phát triển khoa học và công nghệ.

Nhiệm vụ KHCCN được tổ chức dưới hình thức chương trình, đề tài, dự án, nhiệm vụ nghiên cứu theo chức năng của tổ chức khoa học và công nghệ và các hình thức khác.

2. *Đề tài khoa học và công nghệ* (sau đây gọi là đề tài) là nhiệm vụ KHCCN có nội dung chủ yếu là hoạt động khám phá, phát hiện, tìm hiểu bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy; sáng tạo giải pháp nhằm ứng dụng vào thực tiễn, bao gồm đề tài nghiên cứu cơ bản, đề tài nghiên cứu ứng dụng, đề tài triển khai thực nghiệm hoặc kết hợp nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và triển khai thực nghiệm.

3. *Dự án sản xuất thử nghiệm* là nhiệm vụ KHCCN nhằm ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm để thử nghiệm các giải pháp, phương pháp, mô hình quản lý kinh tế - xã hội hoặc sản xuất thử ở quy mô nhỏ nhằm hoàn thiện công nghệ mới, sản phẩm mới trước khi áp dụng vào sản xuất và đời sống.

4. *Dự án khoa học và công nghệ* là nhiệm vụ KHCCN áp dụng tiên bộ khoa học và công nghệ nhằm giải quyết các vấn đề cấp thiết của doanh nghiệp, địa phương (cải tiến thiết bị, hoàn thiện quy trình, ứng dụng công nghệ mới, tạo sản phẩm mới); có tác động nâng cao trình độ công nghệ của doanh nghiệp và có ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

5. *Đề án khoa học* là nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm mục tiêu xác định cơ sở lý luận và thực tiễn phục vụ việc xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật.

6. *Tuyển chọn* là việc lựa chọn tổ chức, cá nhân có năng lực và kinh nghiệm tốt nhất để thực hiện nhiệm vụ KHCCN theo đặt hàng của cơ quan có thẩm quyền thông qua việc xem xét, đánh giá các hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn theo những yêu cầu, tiêu chí quy định hiện hành.

7. *Giao trực tiếp* là việc chỉ định tổ chức, cá nhân có đủ năng lực, điều kiện và chuyên môn phù hợp để thực hiện nhiệm vụ KHCCN theo đặt hàng của cơ quan có thẩm quyền.

8. *Đơn vị chủ trì nhiệm vụ KHCCN* là tổ chức có tư cách pháp nhân, có đủ năng lực tổ chức liên kết, phối hợp với các tổ chức, cá nhân khác để thực hiện

thành công nhiệm vụ KHCHN, được cơ quan, tổ chức quản lý nhiệm vụ KHCHN giao nhiệm vụ và kinh phí để thực hiện nhiệm vụ KHCHN.

9. *Chủ nhiệm nhiệm vụ KHCHN* là cá nhân có trình độ khoa học và năng lực tổ chức; là cán bộ của đơn vị chủ trì có đủ khả năng tổ chức thực hiện, điều hành các hoạt động nhằm đạt được các mục tiêu đề ra của nhiệm vụ KHCHN.

10. *Cơ quan quản lý nhiệm vụ KHCHN* là UBND tỉnh đối với nhiệm vụ KHCHN cấp tỉnh; các sở, ban, ngành, đơn vị, UBND cấp huyện quyết định phê duyệt và cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCHN cấp cơ sở.

11. *Đơn vị tham mưu công tác quản lý khoa học và công nghệ cấp cơ sở* là Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế và Hạ tầng đối với UBND cấp huyện; là bộ phận quản lý khoa học và công nghệ đối với các sở, ban, ngành.

#### **Điều 4. Nguyên tắc lựa chọn nhiệm vụ KHCHN**

1. Xuất phát từ nhu cầu thực tiễn của địa phương: Các nhiệm vụ KHCHN sử dụng ngân sách địa phương phải xuất phát từ nhu cầu thực tiễn của địa phương, từ các vấn đề cơ bản và cấp thiết về khoa học và công nghệ, kinh tế và xã hội, an ninh và quốc phòng của địa phương. Các nhiệm vụ KHCHN được ưu tiên lựa chọn:

a) Nhiệm vụ KHCHN có kết quả sản phẩm cụ thể làm luận cứ khoa học cho việc hoạch định chủ trương, chính sách của tỉnh; phục vụ thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ngành, lĩnh vực, có khả năng ứng dụng vào sản xuất và phục vụ công tác quản lý nhà nước; nhiệm vụ KHCHN thuộc lĩnh vực sở hữu trí tuệ, tiết kiệm năng lượng; công nghệ vật liệu mới; công nghệ thông tin; công nghệ sinh học; ứng dụng công nghệ cao trong y dược; công nghệ bảo tồn di sản; sản phẩm nhiệm vụ KHCHN phục vụ phát triển các sản phẩm chủ lực của tỉnh.

b) Nhiệm vụ KHCHN do lãnh đạo UBND tỉnh đặt hàng trực tiếp được lập thành danh mục ưu tiên đưa vào kế hoạch báo cáo tại cuộc họp Hội đồng cấp tỉnh.

c) Hỗ trợ ứng dụng, triển khai nhân rộng sản phẩm, kết quả các nhiệm vụ KHCHN được Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ đánh giá, nghiệm thu và kiến nghị cho áp dụng vào thực tế.

2. Đảm bảo được tính mới, tính khoa học: Các nhiệm vụ KHCHN phải có giá trị khoa học và công nghệ, có tính mới, tính sáng tạo; kết quả của các nhiệm vụ KHCHN phải có tác động thúc đẩy khoa học và công nghệ của địa phương phát triển.

3. Đảm bảo hợp lý về thời gian thực hiện của các nhiệm vụ KHCHN: Thời gian thực hiện nhiệm vụ KHCHN từ 06 tháng đến 24 tháng. Trong những trường hợp đặc biệt sẽ do thủ trưởng cơ quan, tổ chức quản lý nhiệm vụ KHCHN quyết định.

4. Nhiệm vụ KHCN có cùng nội dung nghiên cứu, triển khai không được đăng ký thực hiện ở nhiều nơi trên địa bàn tỉnh để nhận thêm kinh phí thực hiện.

5. Có địa chỉ ứng dụng cho các kết quả chính tạo ra và được các tổ chức, đơn vị hoặc địa phương cam kết sử dụng kết quả tạo ra khi nhiệm vụ KHCN hoàn thành. Tổ chức, cơ quan ứng dụng kết quả dự kiến có đủ uy tín và năng lực để tiếp nhận và triển khai một cách hiệu quả sản phẩm tạo ra.

**Điều 5. Tính công khai và tính sử dụng chung của thông tin có được từ nhiệm vụ KHCN**

1. Kết quả của các nhiệm vụ KHCN nói chung và các thông tin thu được từ các nhiệm vụ KHCN nói riêng là tài sản chung của xã hội, được công bố công khai bằng các hình thức khác nhau, thông qua các phương tiện thông tin đại chúng; các kết quả của các nhiệm vụ KHCN thuộc phạm vi bảo mật quốc gia được lưu trữ, quản lý và sử dụng theo chế độ bảo mật của nhà nước.

2. Mọi cá nhân, tổ chức đều có quyền sử dụng kết quả các nhiệm vụ KHCN cho các mục đích phi lợi nhuận.

3. Việc sử dụng kết quả của các nhiệm vụ KHCN cho mục đích kinh doanh, sản xuất được thực hiện theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ.

**Điều 6. Đề xuất, chủ trì và tham gia thực hiện nhiệm vụ KHCN**

1. Mọi tổ chức và cá nhân đều có quyền đề xuất các nhiệm vụ KHCN. Các cơ quan nhà nước, các tổ chức khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, các đơn vị sự nghiệp, các tổ chức kinh tế của trung ương và địa phương, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và các cá nhân thuộc các tổ chức này có trách nhiệm đề xuất các nhiệm vụ KHCN.

2. Các sở, ban, ngành, cơ quan thuộc UBND tỉnh hàng năm phải nghiên cứu đăng ký, đề xuất, đặt hàng ít nhất 01 nhiệm vụ KHCN nhằm giải quyết các vấn đề cấp thiết còn tồn đọng trong ngành, lĩnh vực của mình (việc đăng ký không đồng nghĩa với việc được xét chọn thực hiện).

3. Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp danh mục các nhiệm vụ KHCN được lãnh đạo tỉnh chỉ đạo nghiên cứu (tại các cuộc họp hoặc các văn bản chỉ đạo điều hành) để tham mưu UBND tỉnh đưa vào danh mục nhiệm vụ KHCN đặt hàng trực tiếp của UBND tỉnh.

4. Các tổ chức, cá nhân gửi đề xuất nhiệm vụ KHCN về Sở Khoa học và Công nghệ và UBND tỉnh vào bất cứ thời điểm nào phát sinh nhu cầu cần thực hiện nhiệm vụ KHCN.

5. Tất cả các tổ chức được quy định ở khoản 1 của Điều này có quyền tham gia tuyển chọn tổ chức chủ trì thực hiện và tham gia phối hợp thực hiện nhiệm vụ KHCN.

6. Các cá nhân có năng lực chuyên môn và quản lý, được tổ chức chủ trì tín nhiệm, đều có quyền đăng ký tuyển chọn cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ KHCN.

## **Điều 7. Quản lý nhiệm vụ KHCN**

1. UBND tỉnh thống nhất quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ; quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ KHCN; quyết định phê duyệt nội dung và dự toán các nhiệm vụ KHCN; ký kết và thanh lý hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (sau đây gọi tắt là hợp đồng).

2. Chủ tịch UBND tỉnh ký quyết định chuyển giao quyền sở hữu, sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đối với các nhiệm vụ KHCN có sử dụng ngân sách nhà nước.

3. Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thực hiện một số nội dung sau:

a) Ký quyết định thành lập các Hội đồng tư vấn: tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

b) Ký quyết định thành lập tổ thẩm định nội dung và dự toán kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh;

c) Ký quyết định phê duyệt nội dung và dự toán nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh;

d) Ký kết và thanh lý hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp tỉnh;

đ) Tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về việc thực hiện các nhiệm vụ được ủy quyền.

4. Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu, giúp UBND tỉnh: Xây dựng kế hoạch và dự toán cho nhiệm vụ KHCN; xác định danh mục các nhiệm vụ KHCN sẽ được cấp kinh phí thực hiện trong kế hoạch năm; tổ chức các Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp các tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCN; tổ chức kiểm tra, đánh giá quá trình thực hiện nhiệm vụ KHCN; tham mưu việc điều chỉnh quá trình thực hiện nhiệm vụ KHCN (nếu có); tổ chức Hội đồng tư vấn nghiệm thu đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ KHCN; thực hiện đăng ký, lưu giữ, phổ biến và chuyển giao kết quả của các nhiệm vụ KHCN đã được nghiệm thu; tổ chức thẩm tra số liệu quyết toán các nhiệm vụ KHCN.

5. Các tổ chức chủ trì nhiệm vụ KHCN có trách nhiệm chỉ đạo và tổ chức thực hiện đầy đủ các điều cam kết trong hợp đồng đã được ký với cơ quan quản lý nhiệm vụ; hỗ trợ chủ nhiệm nhiệm vụ KHCN trong việc điều phối kế hoạch, tiến độ triển khai thực hiện các nội dung và nghiệp vụ quản lý kinh phí theo quy định hiện hành; đảm bảo điều kiện về cơ sở hạ tầng, nhân lực, kinh phí để chủ

nhiệm vụ KHCN thực hiện và quản lý nhiệm vụ KHCN đúng hợp đồng và thực hiện quyết toán kinh phí theo quy định; chịu trách nhiệm hướng dẫn, phổ biến triển khai áp dụng rộng rãi kết quả của các nhiệm vụ KHCN đã được nghiệm thu (nếu được cơ quan có thẩm quyền thống nhất cho phép triển khai áp dụng rộng rãi).

6. Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận tất cả các đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ và cập nhật, xác nhận việc tiếp nhận vào hệ thống Quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ, công khai trên môi trường mạng tại địa chỉ <http://detaikhoahoc.thuathienhue.gov.vn>, gồm:

- a) Danh mục nhiệm vụ KHCN do các tổ chức, cá nhân đề xuất;
- b) Danh mục nhiệm vụ KHCN được lựa chọn theo từng giai đoạn (các ngành, hội đồng tư vấn chuyên ngành, hội đồng tư vấn cấp tỉnh...);
- c) Danh mục nhiệm vụ KHCN đã được nghiệm thu;
- d) Danh mục nhiệm vụ KHCN có kết quả được triển khai áp dụng, nhân rộng;
- đ) Xác nhận việc tiếp nhận và phản hồi bằng văn bản lý do các đề tài không được tiếp nhận; công khai lý do các nhiệm vụ KHCN không được lựa chọn theo từng giai đoạn lựa chọn.

## **Chương II**

### **CÁC HỘI ĐỒNG TƯ VẤN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

#### **Điều 8. Thành lập các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ**

1. Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ bao gồm:
  - a) Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ;
  - b) Hội đồng tư vấn tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;
  - c) Hội đồng tư vấn giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;
  - d) Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, trừ các Hội đồng Chủ tịch UBND tỉnh đã ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ nêu tại Khoản 3, Điều 7 của Quyết định này.

#### **Điều 9. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ**

1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức quản lý nhiệm vụ KHCN có quyền thành lập các Hội đồng tư vấn KHCN hoặc mời chuyên gia để tư vấn cho mình trong các hoạt động sau:



a) Xác định danh mục nhiệm vụ KHCCN sẽ được thực hiện trong kế hoạch năm tiếp theo hoặc bổ sung 06 tháng cuối năm để trình duyệt;

b) Đánh giá thuyết minh nhiệm vụ KHCCN để tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCCN;

c) Thẩm định nội dung và dự toán của nhiệm vụ KHCCN làm cơ sở để phê duyệt nội dung và dự toán của nhiệm vụ KHCCN và ký hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ với tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCCN;

d) Thẩm định và đánh giá kết quả nhiệm vụ KHCCN làm cơ sở để nghiệm thu hoặc chấm dứt thực hiện các nhiệm vụ KHCCN.

đ) Đánh giá khả năng và phương thức triển khai áp dụng rộng rãi, sản xuất thành hàng hóa; đề xuất đưa vào danh mục nhiệm vụ KHCCN được cấp kinh phí triển khai áp dụng, nhân rộng mô hình trong kế hoạch năm của tỉnh.

2. Các Hội đồng tư vấn KHCCN và các chuyên gia tư vấn có nhiệm vụ tư vấn, đóng góp ý kiến, phản biện, thẩm định, đánh giá các đề xuất về các nhiệm vụ KHCCN, các hồ sơ tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCCN, nội dung và dự toán của nhiệm vụ KHCCN và kết quả của các nhiệm vụ KHCCN, giúp thủ trưởng cơ quan, tổ chức quản lý nhiệm vụ KHCCN ra các quyết định liên quan một cách phù hợp.

3. Các thành viên của Hội đồng tư vấn KHCCN và các chuyên gia tư vấn có quyền phát biểu ý kiến nhận xét, phản biện, đánh giá các nhiệm vụ KHCCN một cách độc lập, đảm bảo tính trung thực, khách quan, công bằng, khoa học, không phụ thuộc vào quan điểm, ý kiến của bất cứ tổ chức và cá nhân nào.

4. Các thành viên của Hội đồng tư vấn KHCCN và các chuyên gia tư vấn được cung cấp các thông tin liên quan đầy đủ và kịp thời để thực hiện nhiệm vụ tư vấn của mình.

5. Các thành viên của Hội đồng tư vấn KHCCN và các chuyên gia tư vấn hoàn toàn chịu trách nhiệm về các ý kiến tư vấn của mình và giữ bí mật thông tin liên quan đến quá trình xác định nhiệm vụ, đánh giá hồ sơ tuyển chọn, giao trực tiếp khi chưa được phép công bố.

6. Các thành viên của Hội đồng tư vấn KHCCN và các chuyên gia tư vấn được hưởng thù lao theo chế độ hiện hành.

### **Điều 10. Nguyên tắc làm việc của các Hội đồng tư vấn KHCCN**

1. Các Hội đồng tư vấn KHCCN làm việc theo nguyên tắc dân chủ, khách quan, trung thực, tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp. Các thành viên Hội đồng thảo luận công khai về nội dung được giao tư vấn. Ý kiến của các thành viên Hội đồng và kiến nghị của Hội đồng phải được lập thành văn bản. Các thành viên Hội đồng phải chịu trách nhiệm về ý kiến tư vấn của mình.

2. Phiên họp Hội đồng tư vấn KHCN chỉ được tiến hành khi có ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng tham dự, trong đó có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch được ủy quyền, 02 ủy viên phản biện và ủy viên thư ký khoa học.

3. Hội đồng tư vấn KHCN làm việc theo một hoặc kết hợp của hai hoặc nhiều hình thức sau:

- a) Nghiên cứu đánh giá hồ sơ tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp;
- b) Nghe trình bày tại hội nghị (Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp, nghiệm thu);
- c) Đóng góp ý kiến bằng văn bản;
- d) Đóng góp ý kiến tại hội nghị;
- đ) Đặt câu hỏi chất vấn và thảo luận;
- e) Đánh giá bằng bảng điểm.

4. Ý kiến kết luận của Chủ tịch Hội đồng tư vấn KHCN là trên cơ sở ý kiến của các thành viên Hội đồng; điểm đánh giá của Hội đồng là điểm trung bình của các thành viên Hội đồng.

#### **Điều 11. Tiêu chuẩn, cơ cấu và thành phần Hội đồng tư vấn KHCN**

1. Thành viên của Hội đồng tư vấn KHCN và các chuyên gia tư vấn là các nhà khoa học, các nhà quản lý hoặc nhà kinh doanh có năng lực và chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ tư vấn.

a) Các nhà khoa học được mời tham gia các Hội đồng tư vấn KHCN hoặc làm chuyên gia tư vấn là những người có trình độ chuyên môn phù hợp với lĩnh vực khoa học và công nghệ được mời tư vấn, có ý thức trách nhiệm về nhiệm vụ tư vấn và tự chịu trách nhiệm về ý kiến tư vấn của mình.

b) Các nhà quản lý đại diện cho địa phương nơi triển khai thực hiện nhiệm vụ KHCN hoặc đại diện cho ngành, lĩnh vực liên quan đến nhiệm vụ KHCN được mời tham gia các Hội đồng tư vấn KHCN hoặc làm chuyên gia tư vấn là những người có trình độ quản lý, có hiểu biết về địa phương hoặc lĩnh vực liên quan đến ngành quản lý, có ý thức trách nhiệm về nhiệm vụ tư vấn và tự chịu trách nhiệm về ý kiến tư vấn của mình.

2. Các Hội đồng tư vấn KHCN cấp tỉnh có 09 thành viên. Căn cứ tính chất và nhiệm vụ cụ thể của các Hội đồng tư vấn KHCN, thủ trưởng cơ quan, tổ chức quản lý nhiệm vụ KHCN quyết định số lượng và cơ cấu các Hội đồng tư vấn KHCN.

3. Các Hội đồng tư vấn KHCN có Chủ tịch, 02 ủy viên phản biện, ủy viên thư ký khoa học và các ủy viên khác. Trong trường hợp cần thiết, có thể có Phó Chủ tịch Hội đồng. Ủy viên thư ký khoa học của các Hội đồng tư vấn KHCN là người của cơ quan, tổ chức quản lý nhiệm vụ KHCN. Các thành viên gồm:

a) Đối với Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KHCN

- 1/2 thành viên thuộc cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức sản xuất - kinh doanh và các tổ chức khác có liên quan hoặc dự kiến thụ hưởng kết quả nghiên cứu;
- 1/2 thành viên là các chuyên gia khoa học và công nghệ.

b) Đối với các Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KHCN

- 2/3 thành viên là các chuyên gia có chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cần tư vấn;

- 1/3 thành viên là đại diện của cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, cơ quan đề xuất đặt hàng, tổ chức sản xuất kinh doanh có năng lực và chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ tư vấn.

c) Đối với Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN

- 2/3 thành viên là chuyên gia khoa học và công nghệ có chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cần tư vấn;

- 1/3 thành viên là chuyên gia thuộc cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức có khả năng ứng dụng kết quả nghiên cứu, cơ quan/đơn vị thụ hưởng kết quả của nhiệm vụ KHCN, cơ quan đề xuất đặt hàng, trong đó có ít nhất 01 thành viên đã tham gia Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ hoặc tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ.

Thành viên là chuyên gia khoa học và công nghệ quy định tại điểm c Khoản này làm việc tại tổ chức chủ trì có thể tham gia Hội đồng nhưng không được làm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, ủy viên phản biện, ủy viên thư ký khoa học.

4. Cơ quan, tổ chức quản lý nhiệm vụ KHCN có trách nhiệm cử thư ký hành chính giúp việc cho Hội đồng tư vấn KHCN. Thư ký hành chính không phải là thành viên chính thức của Hội đồng tư vấn KHCN và không tham gia các công việc chuyên môn của Hội đồng.

### **Chương III**

## **TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

### **Điều 12. Xác định danh mục nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh**

#### **1. Trình tự xác định nhiệm vụ KHCN**

a) Bước 1: Tổ chức, cá nhân có đề tài nghiên cứu được đăng ký và gửi đề xuất về Sở Khoa học và Công nghệ (qua Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh) trong tất cả thời gian trong năm và trên môi trường mạng. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tiếp nhận, xác nhận bằng văn bản việc tiếp nhận hoặc từ chối tiếp nhận

(nêu lý do) theo hình thức trực tuyến thông qua hệ thống thông tin Quản lý nhiệm vụ KHCN tại địa chỉ <http://detaikhoahoc.thuathienhue.gov.vn>. Tổ chức công khai đề tài để các tổ chức, cá nhân tham gia góp ý về tính mới, tính sáng tạo (ghi các nội dung, yêu cầu của đề tài nhằm mục đích thẩm tra của xã hội về tính khoa học, tính sáng tạo của đề tài). Việc công bố và tổng hợp ý kiến công luận là cơ sở để đánh giá, chọn lọc đề tài và kết thúc vào tháng 5 và tháng 10 hàng năm.

b) Bước 2: Định kỳ vào tháng 6 và tháng 11 hàng năm, Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp danh mục nhiệm vụ KHCN đã được đặt hàng.

c) Bước 3: Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức các Hội thảo (theo các lĩnh vực) để lấy ý kiến các sở, ngành liên quan về danh mục nhiệm vụ KHCN dự kiến (sự cần thiết, mục tiêu, nội dung nghiên cứu, quy mô đầu tư, sản phẩm dự kiến, thời gian thực hiện, phương thức thực hiện, khả năng áp dụng rộng rãi);

d) Bước 4: Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức lấy ý kiến tư vấn của các Hội đồng KHCN chuyên ngành và Hội đồng KHCN tỉnh;

đ) Bước 4: Sở Khoa học và Công nghệ trình danh mục nhiệm vụ KHCN đã được các sở, ngành và các Hội đồng lựa chọn lên Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh thông qua trong quý II và quý III hàng năm.

e) Kết quả của các bước tại Điều này được công khai trên hệ thống thông tin Quản lý nhiệm vụ KHCN tại địa chỉ <http://detaikhoahoc.thuathienhue.gov.vn>.”

2. Các nhiệm vụ KHCN phát sinh cần thực hiện nhằm giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ xuất hiện trong sản xuất và đời sống xã hội có tính cấp thiết tại địa phương, sau khi có ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ thống nhất với cơ quan chuyên môn về lĩnh vực của nhiệm vụ KHCN đó để báo cáo UBND tỉnh. Khi được UBND tỉnh chấp thuận, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức đặt hàng trực tiếp cho nhà khoa học hoặc tổ chức tuyển chọn đơn vị chủ trì, cá nhân chủ nhiệm. Tổng kinh phí của các nhiệm vụ KHCN phát sinh ngoài kế hoạch không vượt quá 30% tổng kinh phí được duyệt cho nghiên cứu - thử nghiệm hàng năm.

### **Điều 13. Thông báo tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh**

1. Danh mục nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh được UBND tỉnh quyết định thực hiện theo phương thức tuyển chọn sẽ được thông báo rộng rãi trên Báo Khoa học và Phát triển của Bộ Khoa học và Công nghệ, Báo Thừa Thiên Huế, trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ và phần mềm Quản lý nhiệm vụ KHCN.

Sở Khoa học và Công nghệ gửi công văn mời tham gia tuyển chọn cho các tổ chức khoa học và công nghệ, cá nhân các nhà khoa học có đủ điều kiện.

2. Quyết định của UBND tỉnh về việc giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh cho cơ quan, tổ chức nào thì Sở Khoa học và Công nghệ có thông báo được gửi trực tiếp đến cơ quan, tổ chức đó.

**Điều 14. Điều kiện tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp**

1. Các tổ chức có hoạt động phù hợp với lĩnh vực của nhiệm vụ KHCN, có con dấu, có tài khoản, có điều kiện về cơ sở vật chất (trang thiết bị, nhà xưởng, phương tiện), nhân lực, huy động đủ các nguồn tài chính hợp pháp ngoài ngân sách nhà nước (nếu có) có quyền đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh.

2. Tổ chức thuộc một trong các trường hợp sau đây không đủ điều kiện tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp làm chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCN:

a) Tại thời điểm nộp hồ sơ chưa hoàn trả đầy đủ kinh phí thu hồi theo hợp đồng thực hiện các nhiệm vụ KHCN trước đây theo thời hạn đã được thông báo;

b) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chưa nộp hồ sơ đề nghị đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ KHCN khác do mình chủ trì sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ theo Hợp đồng, bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có);

c) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chưa hoàn thành việc đăng ký, nộp, lưu giữ các kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN khác có sử dụng ngân sách nhà nước;

d) Có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ KHCN khác sẽ không được đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian 01 năm kể từ khi có Quyết định đình chỉ của cơ quan có thẩm quyền.

3. Cá nhân đăng ký chủ nhiệm nhiệm vụ KHCN

a) Phải có trình độ đại học trở lên, có chuyên môn phù hợp và đang hoạt động trong cùng lĩnh vực với nhiệm vụ KHCN trong 05 năm gần đây, tính đến thời điểm nộp hồ sơ.

b) Là người của tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCN, có năng lực tổ chức thực hiện và điều hành nhiệm vụ KHCN.

c) Chủ nhiệm nhiệm vụ KHCN bị trễ hạn quá 06 tháng tính từ thời điểm kết thúc hợp đồng hoặc thời gian gia hạn (nếu có) mà không có sự chấp thuận của cơ quan, tổ chức quản lý nhiệm vụ KHCN, chưa nghiệm thu, chưa quyết toán (không chứng minh được lý do chính đáng), hoặc không hoàn thành khối lượng công việc sẽ không được đăng ký thực hiện và tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KHCN trong 02 năm tiếp theo tính từ thời điểm nghiệm thu hoặc thanh lý và quyết toán kinh phí.

4. Mỗi cá nhân không đồng thời làm chủ nhiệm từ 02 nhiệm vụ KHCN cùng cấp trở lên.

**Điều 15. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp**

1. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ vận dụng theo Điều 6 Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Tổ chức, cá nhân tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp gửi hồ sơ, bao gồm: 01 bộ hồ sơ gốc (các tài liệu quy định tại khoản 1, Điều 15 là bản gốc hoặc bản sao có chứng thực) và 09 bản sao chụp (bản photocopy), trình bày và in trên khổ giấy A4, sử dụng phông chữ tiếng Việt của bộ mã ký tự Unicode theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN, cỡ chữ 14 được đóng gói trong túi hồ sơ có niêm phong và bên ngoài ghi rõ tên nhiệm vụ KHCN; tên, địa chỉ của tổ chức đăng ký chủ trì, tên của chủ nhiệm tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp và danh mục tài liệu có trong hồ sơ.

3. Hồ sơ gửi đến Sở Khoa học và Công nghệ đúng thời hạn (tính theo dấu bưu điện, nếu gửi qua bưu điện hoặc dấu công văn đến của Sở Khoa học và Công nghệ, nếu gửi trực tiếp). Trong khi chưa hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký tuyển chọn, tổ chức, cá nhân đăng ký tuyển chọn có quyền rút hồ sơ đã nộp để thay bằng hồ sơ mới, bổ sung hoặc sửa đổi hồ sơ đã nộp và nộp lại trong thời hạn đã quy định.

#### **Điều 16. Mở hồ sơ đăng ký tuyển chọn cấp tỉnh**

Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành mở, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh vận dụng theo Điều 7 Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

#### **Điều 17. Tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCN**

1. Trách nhiệm đánh giá hồ sơ tuyển chọn

Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện việc đánh giá hồ sơ tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện các nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh thông qua các Hội đồng tư vấn KHCN cấp tỉnh.

2. Hội đồng tư vấn KHCN tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCN đánh giá các hồ sơ đăng ký tuyển chọn chủ trì nhiệm vụ KHCN được quy định ở Điều 9 của Quy chế này.

3. Việc đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn theo bảng chấm điểm của các thành viên Hội đồng được thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Hồ sơ được xếp hạng với tổng số điểm trung bình của các tiêu chí cao nhất và phải đạt từ 70/100 điểm trở lên. Trong đó không có tiêu chí nào có quá 1/3 số thành viên Hội đồng có mặt cho điểm không (0 điểm);

b) Đối với các hồ sơ có tổng số điểm trung bình bằng nhau thì ưu tiên hồ sơ có cam kết và đối ứng vốn ngoài ngân sách nhà nước nhiều hơn. Đối với các hồ sơ có vốn đối ứng ngoài ngân sách nhà nước bằng nhau hoặc không có vốn

đôi ứng ngoài ngân sách nhà nước thì ưu tiên hồ sơ có điểm trung bình về năng lực của tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm cao hơn.

Được ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng có mặt (trong đó có ít nhất 01 ủy viên phản biện) đánh giá tổng mức kinh phí phù hợp với các sản phẩm của nhiệm vụ KH-CN được giao.”

c) Nếu thành viên Hội đồng nào cho điểm đánh giá chênh lệch từ 20% trở lên so với điểm đánh giá trung bình của số thành viên Hội đồng còn lại thì điểm đánh giá của thành viên Hội đồng đó sẽ không được chấp nhận và loại bỏ. Kết quả đánh giá hồ sơ tuyển chọn chỉ dựa trên kết quả cho điểm của các thành viên còn lại của Hội đồng.

4. Dựa vào văn bản nhận xét, ý kiến phát biểu tại hội nghị và bảng chấm điểm của các thành viên Hội đồng tư vấn KH-CN, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH-CN.

5. Nếu sau 01 lần tổ chức Hội đồng tư vấn KH-CN tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH-CN không chọn lựa được tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH-CN, nhưng vì tính cấp thiết của nhiệm vụ KH-CN, Sở Khoa học và Công nghệ có thể tổ chức tuyển chọn lại tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH-CN. Những cá nhân đăng ký chủ nhiệm đã bảo vệ thuyết minh nhiệm vụ KH-CN không đạt không được tham gia tuyển chọn lại.

#### **Điều 18. Giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH-CN**

1. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức quản lý nhiệm vụ KH-CN thực hiện việc đánh giá năng lực chuyên môn và khả năng chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH-CN thông qua các Hội đồng tư vấn KH-CN.

2. Hội đồng tư vấn KH-CN giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH-CN được quy định ở Điều 9 của Quy chế này.

3. Việc đánh giá hồ sơ đăng ký giao trực tiếp thực hiện theo điểm a và điểm c khoản 3 Điều 17 của Quy chế này.

4. Dựa vào văn bản nhận xét, ý kiến phát biểu tại hội nghị và phiếu đánh giá của các thành viên Hội đồng tư vấn KH-CN giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH-CN, thủ trưởng cơ quan, tổ chức quản lý nhiệm vụ KH-CN quyết định tổ chức, cá nhân đủ hay không đủ điều kiện chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH-CN được giao.

#### **Điều 19. Thông báo kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp**

1. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức quản lý nhiệm vụ KH-CN có trách nhiệm thông báo kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức Hội đồng tư vấn KH-CN tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH-CN trên các phương tiện thông tin đại chúng của

địa phương, trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ, hệ thống thông tin Quản lý nhiệm vụ KHCV tại địa chỉ <http://detaikhoahoc.thuathienhue.gov.vn> và thông báo bằng công văn cho các tổ chức, cá nhân trúng tuyển hoặc đủ điều kiện chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCV.

2. Kèm theo thông báo kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp là yêu cầu của Hội đồng tư vấn KHCV và cơ quan quản lý về việc chỉnh sửa, bổ sung thuyết minh nhiệm vụ KHCV (nếu có). Tổ chức, cá nhân trúng tuyển có trách nhiệm nộp lại thuyết minh nhiệm vụ KHCV đã được bổ sung, chỉnh sửa (nếu có) trong vòng 15 ngày kể từ ngày được thông báo. Quá thời hạn trên, xem như tổ chức chủ trì từ chối thực hiện nhiệm vụ KHCV đã được tuyển chọn, giao trực tiếp.

### **Điều 20. Thẩm định nội dung và dự toán kinh phí nhiệm vụ KHCV**

1. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm tổ chức việc thẩm định nội dung và dự toán kinh phí của nhiệm vụ KHCV cấp tỉnh thông qua Tổ thẩm định nội dung và Tổ thẩm định kinh phí.

2. Tổ thẩm định nội dung và Tổ thẩm định kinh phí

a) Tổ thẩm định nội dung

- Nhiệm vụ của Tổ thẩm định là xem xét tính hợp lý, xác định khối lượng chi tiết về nội dung nghiên cứu so với kết luận của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KHCV, cung cấp cơ sở tính toán cho các chuyên gia tài chính thẩm định dự toán;

- Thủ trưởng cơ quan quản lý nhiệm vụ KHCV ra quyết định thành lập Tổ thẩm định. Tổ thẩm định có 04-05 thành viên, gồm: Chủ tịch Hội đồng (hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng), ủy viên thư ký khoa học và 02-03 ủy viên của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp.

b) Tổ thẩm định kinh phí

- Nhiệm vụ của Tổ thẩm định là thẩm định sự phù hợp phân dự toán kinh phí của nhiệm vụ KHCV với chế độ quy định, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi tiêu hiện hành của nhà nước do các cơ quan có thẩm quyền ban hành để xác định: chi phí công cho các thành viên thực hiện; chi phí thuê chuyên gia; kinh phí hỗ trợ mua nguyên vật liệu, thiết bị và các khoản chi khác cũng như thời gian cần thiết để thực hiện;

- Thủ trưởng cơ quan quản lý nhiệm vụ KHCV ra quyết định thành lập Tổ thẩm định. Tổ thẩm định kinh phí có 05-07 thành viên, gồm: Lãnh đạo Sở và đại diện các phòng liên quan thuộc Sở Khoa học và Công nghệ, đại diện phòng chuyên môn thuộc Sở Tài chính. Trường hợp nhiệm vụ KHCV có tính phức tạp, thủ trưởng cơ quan quản lý nhiệm vụ KHCV có thể mời thêm từ 01-02 chuyên gia am hiểu sâu về lĩnh vực liên quan đến nhiệm vụ cần thẩm định vào Tổ thẩm định.



3. Trường hợp các nội dung chi chưa có định mức do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành thì Tổ thẩm định kinh phí tư vấn cho thủ trưởng cơ quan, tổ chức quản lý nhiệm vụ KHCCN quyết định sử dụng các định mức của nội dung chi tương đương.

### **Điều 21. Quyết định phê duyệt nhiệm vụ KHCCN**

1. Căn cứ vào kết quả của Hội đồng tư vấn KHCCN tuyển chọn, giao trực tiếp, kết quả thẩm định của tổ thẩm định nội dung và dự toán kinh phí của nhiệm vụ KHCCN; người đứng đầu cơ quan, tổ chức quản lý nhiệm vụ KHCCN ra quyết định phê duyệt nội dung, dự toán kinh phí, phương thức, thời gian thực hiện nhiệm vụ KHCCN và ký hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ với tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ KHCCN.

2. Nội dung quyết định phê duyệt nhiệm vụ KHCCN bao gồm:

- a) Tên nhiệm vụ KHCCN;
- b) Cấp quản lý;
- c) Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCCN;
- d) Chủ nhiệm nhiệm vụ KHCCN;
- đ) Thời gian thực hiện nhiệm vụ KHCCN;
- e) Các mục tiêu của nhiệm vụ KHCCN;
- g) Các nội dung, hoạt động của nhiệm vụ KHCCN;
- h) Chung loại và số lượng các sản phẩm giao nộp của nhiệm vụ KHCCN;
- i) Dự toán và nguồn kinh phí để thực hiện nhiệm vụ KHCCN.

## **Chương IV**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ QUẢN LÝ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

#### **Điều 22. Hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ**

1. Hợp đồng là văn bản pháp lý ràng buộc trách nhiệm và quyền lợi giữa cơ quan, tổ chức quản lý nhiệm vụ KHCCN (gọi tắt là bên A) và tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCCN (gọi tắt là bên B).

2. Quyền và nghĩa vụ của các bên ký hợp đồng được thực hiện theo mẫu hợp đồng nghiên cứu và phát triển công nghệ ban hành kèm theo Thông tư 05/2014/TT-BKHCCN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

#### **Điều 23. Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ KHCCN**

1. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức quản lý nhiệm vụ KHCCN chịu trách nhiệm kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ KHCCN bằng các hình thức sau:

a) Tổ chức đoàn kiểm tra định kỳ: Định kỳ 01 năm 01 lần kể từ thời điểm hợp đồng có hiệu lực;

b) Tổ chức đoàn kiểm tra đột xuất;

c) Yêu cầu tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ KHCN báo cáo đột xuất;

d) Kiểm tra, đánh giá tại hiện trường: Đối với các nhiệm vụ KHCN có sản phẩm trung gian hoặc sản phẩm là các mô hình, thiết bị cụ thể, sản phẩm đo kiểm được, đoàn kiểm tra, đánh giá đến hiện trường để kiểm tra, đánh giá cụ thể về số lượng sản phẩm của nhiệm vụ.

2. Nội dung kiểm tra, đánh giá bao gồm:

a) Nội dung khoa học: Nội dung đã hoàn thành, nội dung đang triển khai, sản phẩm đạt được;

b) Tiến độ thực hiện;

c) Tình hình sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước;

d) Các nội dung khác (nếu có).

3. Tùy thuộc vào kết quả kiểm tra, đánh giá, thủ trưởng cơ quan, tổ chức quản lý nhiệm vụ KHCN quyết định điều chỉnh nội dung, thời gian thực hiện hoặc chấm dứt việc thực hiện nhiệm vụ KHCN.

4. Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ KHCN có trách nhiệm báo cáo tiến độ thực hiện theo định kỳ 06 tháng 01 lần hoặc theo yêu cầu đột xuất cho cơ quan, tổ chức quản lý nhiệm vụ KHCN về:

a) Tình hình thực hiện các nội dung nhiệm vụ KHCN;

b) Tình hình sử dụng kinh phí;

c) Kế hoạch hoặc phương án triển khai giai đoạn tiếp;

d) Kiến nghị (nếu có).

Trường hợp tổ chức chủ trì không thực hiện việc báo cáo tiến độ đúng quy định từ 02 lần trở lên thì sẽ bị dừng cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ và xử lý theo quy định.

5. Biên bản kiểm tra thực hiện nhiệm vụ KHCN được lưu ở cơ quan quản lý và ở tổ chức chủ trì nhiệm vụ KHCN.

#### **Điều 24. Điều chỉnh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KHCN**

1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu một trong hai bên có yêu cầu điều chỉnh hợp đồng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia ít nhất 10 ngày trước khi tiến hành điều chỉnh. Nội dung điều chỉnh có hiệu lực kể từ ngày văn bản đồng ý điều chỉnh được ban hành;

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức quản lý nhiệm vụ xem xét, quyết định điều chỉnh về tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ, nội dung nghiên cứu, sản phẩm,

thời gian thực hiện nhiệm vụ đã được phê duyệt trên cơ sở văn bản đề xuất của tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ;

3. Việc gia hạn thời gian thực hiện nhiệm vụ chỉ được thực hiện 01 lần đối với mỗi nhiệm vụ và không quá 06 tháng. Trường hợp đặc biệt do thủ trưởng cơ quan quản lý nhiệm vụ quyết định nhưng không quá 50% thời gian thực hiện nhiệm vụ;

4. Việc gia hạn thời gian thực hiện nhiệm vụ chỉ được xem xét trước khi kết thúc hợp đồng ít nhất 01 tháng.

### **Chương V**

## **ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

### **Điều 25. Tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN**

Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trước khi nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu cho cơ quan quản lý nhiệm vụ theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 11/2014/TT-BKH&CN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

### **Điều 26. Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KHCN**

Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 11/2014/TT-BKH&CN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

### **Điều 27. Phương pháp đánh giá và xếp loại đối với nhiệm vụ KHCN**

Thực hiện theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 11/2014/TT-BKH&CN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

### **Điều 28. Nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN**

1. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức quản lý nhiệm vụ KHCN chịu trách nhiệm tổ chức nghiệm thu nhiệm vụ KHCN thông qua Hội đồng tư vấn KHCN cùng cấp.

2. Hội đồng tư vấn KHCN nghiệm thu các nhiệm vụ KHCN có nhiệm vụ đánh giá các kết quả của nhiệm vụ KHCN được quy định tại Điều 9 và Điều 26 của các thành viên Hội đồng tư vấn KHCN, thủ trưởng cơ quan, tổ chức quản lý nhiệm vụ KHCN quyết định nghiệm thu hoặc không nghiệm thu các nhiệm vụ KHCN.

4. Các nhiệm vụ KHCN được Hội đồng tư vấn KHCN nghiệm thu đánh giá ở mức “Xuất sắc” sẽ được khen thưởng. Kinh phí khen thưởng được sử dụng

từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ của cơ quan, tổ chức quản lý nhiệm vụ KHCCN.

5. Nhiệm vụ KHCCN bị Hội đồng tư vấn KHCCN nghiệm thu xếp loại ở mức “Không đạt”, nhiệm vụ KHCCN không được nghiệm thu và nhiệm vụ KHCCN được Hội đồng tư vấn KHCCN nghiệm thu nhưng trong vòng 06 tháng đơn vị chủ trì không nộp sản phẩm hiệu chỉnh theo kết luận của Hội đồng, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan khác xác định số kinh phí phải hoàn trả ngân sách nhà nước theo quy định về quản lý tài chính của nhà nước.

6. Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với đơn vị chủ trì chịu trách nhiệm báo cáo UBND tỉnh về những kết quả đạt được của các nhiệm vụ KHCCN đã được nghiệm thu bằng văn bản và tham mưu đề xuất UBND tỉnh định hướng phát triển nhiệm vụ KHCCN sau khi kết thúc (đề xuất các giải pháp ứng dụng và nhân rộng kết quả; thương mại hóa sản phẩm từ kết quả nhiệm vụ hoặc tiếp tục triển khai nhiệm vụ ở pha tiếp theo).

#### **Điều 29. Những trường hợp nhiệm vụ KHCCN không được nghiệm thu**

Cơ quan, tổ chức quản lý nhiệm vụ KHCCN không nghiệm thu các nhiệm vụ KHCCN trong những trường hợp sau đây:

1. Có đề nghị của tổ chức chủ trì hoặc quyết định của cơ quan quản lý về việc chấm dứt thực hiện nhiệm vụ KHCCN.

2. Nhiệm vụ KHCCN chậm tiến độ (chậm nộp các sản phẩm của nhiệm vụ KHCCN) quá 06 tháng tính từ thời điểm kết thúc hợp đồng hoặc thời điểm kết thúc gia hạn (nếu có).

3. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCCN không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu quá 06 tháng tính từ thời điểm kết thúc hợp đồng hoặc thời điểm kết thúc gia hạn (nếu có).

#### **Điều 30. Thu hồi kinh phí đầu tư từ ngân sách**

Nếu trong hợp đồng có điều khoản về việc thu hồi kinh phí đầu tư từ ngân sách nhà nước địa phương cho nhiệm vụ KHCCN thì tổ chức chủ trì nhiệm vụ KHCCN có trách nhiệm nộp lại kinh phí vào tài khoản của cơ quan, tổ chức quản

#### **Điều 31. Quyết toán, thanh lý hợp đồng**

1. Cơ quan, tổ chức quản lý nhiệm vụ KHCCN chịu trách nhiệm tổ chức việc quyết toán, thanh lý hợp đồng với tổ chức chủ trì nhiệm vụ KHCCN theo trình tự và yêu cầu như sau:

a) Hồ sơ quyết toán phải nộp đầy đủ, hợp lệ trước khi nghiệm thu chính thức nhiệm vụ KHCCN;

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày sản phẩm của nhiệm vụ KHCVN đã hiệu chỉnh, bổ sung được giao nộp đầy đủ và đã đăng ký, lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCVN.

2. Các nhiệm vụ KHCVN quyết toán các khoản chi theo nguyên tắc:

a) Các nội dung chi thuộc loại được khoán theo Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCVN-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước thì quyết toán theo dự toán được duyệt.

b) Các nội dung chi thuộc loại không được khoán theo Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCVN-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước thì quyết toán theo hoạt động đã thực hiện với những chứng từ tài chính hợp lệ theo quy định hiện hành.

3. Các nhiệm vụ KHCVN bị Hội đồng tư vấn KHCVN nghiệm thu đánh giá ở mức “Không đạt”, nhiệm vụ KHCVN không được nghiệm thu hoặc các nhiệm vụ KHCVN đã được Hội đồng tư vấn KHCVN nghiệm thu nhưng trong vòng 06 tháng đơn vị chủ trì không nộp các sản phẩm đã hiệu chỉnh theo kết luận của Hội đồng sẽ được thanh lý theo tỷ lệ khối lượng các hoạt động nghiên cứu và hỗ trợ nghiên cứu đã hoàn thành và bị phạt tiền theo khoản 5 Điều 28 của Quy chế này.

4. Tỷ lệ khối lượng các hoạt động nghiên cứu và hỗ trợ nghiên cứu đã hoàn thành của các nhiệm vụ KHCVN không được nghiệm thu được xác định thông qua sự thẩm định của tổ tư vấn thẩm định do cơ quan, tổ chức quản lý nhiệm vụ KHCVN mời.

5. Tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ sau khi nhiệm vụ KHCVN hoàn thành, nghiệm thu, tài sản này được xử lý theo quy định tại Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KHCVN sử dụng vốn nhà nước trước khi thanh lý hợp đồng.

### **Điều 32. Đăng ký, lưu giữ và sử dụng kết quả nhiệm vụ KHCVN**

1. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ KHCVN (cấp quốc gia ủy quyền địa phương quản lý, cấp tỉnh và cấp cơ sở) nộp các sản phẩm cuối cùng của nhiệm vụ KHCVN cho Sở Khoa học và Công nghệ để quản lý.

2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhiệm vụ KHCVN được nghiệm thu chính thức, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCVN (cấp quốc gia ủy quyền địa phương quản lý, cấp tỉnh và cấp cơ sở) có trách nhiệm đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCVN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thừa Thiên Huế và giao nộp sản phẩm của nhiệm vụ KHCVN tại Sở Khoa học và Công nghệ theo quy định.

3. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm lưu giữ, công bố công khai các kết quả nhiệm vụ KHCN theo quy định.

4. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm phổ biến kết quả của các nhiệm vụ KHCN bằng cách đưa tóm tắt nội dung, kết quả nghiên cứu lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, trang thông tin điện tử và Bản tin Khoa học và Công nghệ của Sở Khoa học và Công nghệ.

5. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chuyển 01 bộ kết quả nhiệm vụ KHCN cho cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực của nhiệm vụ KHCN hoặc địa phương nơi nhiệm vụ KHCN đã nghiên cứu để các đơn vị, địa phương nghiên cứu, phổ biến và đề xuất triển khai ứng dụng kết quả nhiệm vụ KHCN vào sản xuất và đời sống.

### **Điều 33. Công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN**

Hồ sơ công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ vận dụng theo Điều 17 Thông tư số 11/2014/TT-BKH&CN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

## **Chương VI**

### **TRIỂN KHAI ÁP DỤNG KẾT QUẢ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

#### **Điều 34. Sử dụng kết quả của các nhiệm vụ KHCN**

1. Cơ quan, tổ chức quản lý nhiệm vụ KHCN có trách nhiệm chuyển giao kết quả của các nhiệm vụ KHCN đã nghiệm thu cho các cơ quan, tổ chức đặt hàng hoặc cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu. Các nhiệm vụ KHCN thuộc lĩnh vực an ninh, quốc phòng có quy định riêng.

2. Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện có trách nhiệm phổ biến kết quả các nhiệm vụ KHCN cho các tổ chức kinh tế, khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, trong ngành hoặc địa phương; tổ chức triển khai ứng dụng kết quả nhiệm vụ KHCN vào sản xuất và đời sống.

3. Khi sử dụng các kết quả nhiệm vụ KHCN các tổ chức và cá nhân phải tuân thủ Luật Sở hữu trí tuệ.

#### **Điều 35. Lựa chọn nhiệm vụ KHCN hỗ trợ triển khai ứng dụng**

1. Trong kết quả nghiệm thu nhiệm vụ KHCN, tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện phải đề xuất phương án đưa kết quả, sản phẩm nhiệm vụ KHCN vào hoạt động quản lý, sản xuất và đời sống.

2. Trên cơ sở đề xuất của tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCN và khả năng phát huy giá trị thực tiễn của nhiệm vụ KHCN đó, Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với các sở, ngành hoặc địa phương liên quan để

thống nhất, tham mưu UBND tỉnh đưa vào danh mục nhiệm vụ KHCC cần hỗ trợ kinh phí triển khai ứng dụng rộng rãi vào hoạt động quản lý, sản xuất và đời sống.

3. Việc lựa chọn, phê duyệt danh mục nhiệm vụ KHCC được hỗ trợ kinh phí triển khai ứng dụng vào sản xuất và đời sống được thực hiện chung với lựa chọn, phê duyệt danh mục nhiệm vụ KHCC theo định kỳ mỗi năm 02 lần và được xem như là một nhiệm vụ KHCC mới.

### **Điều 36. Hỗ trợ triển khai ứng dụng kết quả các nhiệm vụ KHCC**

1. Kinh phí hỗ trợ triển khai ứng dụng lấy từ nguồn kinh phí được duyệt cho nghiên cứu - thử nghiệm hàng năm; ưu tiên hỗ trợ một phần kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ sau:

- a) Xây dựng mô hình điểm;
- b) Xây dựng quy trình công nghệ;
- c) Đào tạo và chuyển giao công nghệ;
- d) Đăng ký thương hiệu và các hệ thống quản lý chất lượng.

2. Quy trình hỗ trợ kinh phí triển khai ứng dụng kết quả các nhiệm vụ KHCC vào sản xuất và đời sống thực hiện giống như quy trình thực hiện nhiệm vụ KHCC sản xuất thử nghiệm hoặc chuyển giao công nghệ.

### **Điều 37. Giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ**

1. Tổ chức chủ trì, doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khác có nhu cầu được giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu làm hồ sơ đề nghị giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu.

2. Sở Khoa học và Công nghệ là đơn vị hướng dẫn và thụ lý hồ sơ đề nghị giao quyền đối với kết quả nghiên cứu do Chủ tịch UBND tỉnh làm đại diện chủ sở hữu nhà nước theo quy định hiện hành của UBND tỉnh.

## **Chương VII**

### **QUY ĐỊNH QUẢN LÝ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ**

#### **Điều 38. Trách nhiệm và quyền hạn của UBND cấp huyện và thủ trưởng đơn vị cấp cơ sở**

1. Quyết định thành lập các Hội đồng tư vấn KHCC cấp cơ sở gồm: Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KHCC, Hội đồng tư vấn tuyển chọn tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KHCC, Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCC và các Hội đồng KHCC khác để tư vấn khi cần thiết.

2. Phê duyệt danh mục nhiệm vụ đã được Hội đồng tư vấn KHCN cơ sở thông qua; ký hợp đồng với các tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCN; tổ chức nghiệm thu, công nhận, công bố và đăng ký kết quả triển khai ứng dụng kết quả của nhiệm vụ KHCN.

3. Ban hành quyết định điều chỉnh nội dung nghiên cứu, tiến độ thực hiện, chủ nhiệm nhiệm vụ KHCN; quyết định đình chỉ thực hiện nhiệm vụ KHCN trên cơ sở tham mưu, đề xuất của đơn vị quản lý khoa học và công nghệ cấp cơ sở (nếu có) hoặc trên cơ sở văn bản đề xuất của tổ chức chủ trì.

### **Điều 39. Hội đồng tư vấn KHCN cấp cơ sở**

1. Hội đồng tư vấn KHCN cấp cơ sở do Chủ tịch UBND cấp huyện hoặc thủ trưởng đơn vị (sau đây gọi tắt là thủ trưởng đơn vị) ra quyết định thành lập. Hội đồng tư vấn KHCN cấp cơ sở có 07 thành viên. Căn cứ tính chất và nhiệm vụ cụ thể của các Hội đồng tư vấn KHCN, thủ trưởng đơn vị quyết định số lượng và cơ cấu các Hội đồng tư vấn KHCN. Hội đồng gồm có Chủ tịch, 02 ủy viên phản biện, ủy viên thư ký khoa học và các ủy viên khác.

2. Thành viên Hội đồng tư vấn KHCN cấp cơ sở là các cán bộ khoa học, cán bộ quản lý có trình độ đại học trở lên hoặc các chuyên gia có am hiểu nhất định về lĩnh vực khoa học và công nghệ liên quan. Hội đồng làm việc theo nguyên tắc dân chủ, các thành viên Hội đồng được quyền thảo luận công khai về nhiệm vụ được giao tư vấn, có ý kiến nhận xét bằng văn bản và chịu trách nhiệm về ý kiến tư vấn của mình.

3. Chi phí cho hoạt động của Hội đồng tư vấn KHCN cấp cơ sở được dự toán thành một khoản riêng trong tổng kinh phí hoạt động khoa học và công nghệ của đơn vị.

### **Điều 40. Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở**

1. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCN cơ sở phải là cơ quan có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của nhiệm vụ KHCN hoặc tổ chức, đơn vị có đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ; có đủ các điều kiện về nhân lực chuyên môn, thiết bị và cơ sở vật chất cần thiết cho việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KHCN.

2. Cá nhân đăng ký chủ nhiệm nhiệm vụ KHCN phải có trình độ đại học trở lên, có kinh nghiệm trong tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ KHCN; có chuyên môn phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ KHCN.

3. Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCN có trách nhiệm thực hiện đúng các nội dung nghiên cứu và tiến độ thực hiện đã được phê duyệt; sử dụng kinh phí đúng quy định của nhà nước; báo cáo đầy đủ, đúng thời hạn kết quả thực hiện nội dung nghiên cứu và việc sử dụng kinh phí.

### **Điều 41. Trình tự xác định nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở**



1. Định kỳ hoặc theo tính cấp thiết của ngành, địa phương; đơn vị quản lý khoa học và công nghệ cấp cơ sở có trách nhiệm tham mưu thủ trưởng đơn vị thông báo đến các tổ chức, cá nhân có liên quan để đề xuất nhiệm vụ KHCN đặt hàng;

2. Đơn vị quản lý khoa học và công nghệ cấp cơ sở tổng hợp các danh mục đề xuất các nhiệm vụ KHCN, tổ chức lấy ý kiến rộng rãi các cán bộ khoa học, cán bộ quản lý trực thuộc đơn vị mình và trình Hội đồng tư vấn KHCN lựa chọn các nhiệm vụ phù hợp với điều kiện của cơ sở.

Với các đơn vị không có chức năng quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ có thể bỏ qua bước này.

3. Đối với nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh: Thủ trưởng đơn vị cấp cơ sở xem xét đề xuất nhiệm vụ KHCN theo các bước tại khoản 2, Điều 12 của Quy chế này.

4. Đề xuất nhiệm vụ KHCN đặt hàng được đánh giá “Đạt yêu cầu” sơ bộ khi đáp ứng 02 yêu cầu sau:

- a) Đầy đủ thông tin trong Phiếu đề xuất nhiệm vụ KHCN;
- b) Có đủ cơ sở về tính cấp thiết của nhiệm vụ đề xuất.

5. Danh mục các nhiệm vụ KHCN đề nghị thực hiện trong kế hoạch trình Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở xem xét, lựa chọn bằng cách bỏ phiếu kín theo hai loại “Đề nghị thực hiện” và “Đề nghị không thực hiện” và đồng thời đề nghị hình thức chủ trì thực hiện: Giao trực tiếp hoặc tuyển chọn.

Các nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở được đề nghị thực hiện phải có ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng có mặt đồng ý.

6. Đơn vị quản lý KHCN cấp cơ sở tổng hợp danh mục các nhiệm vụ nghiên cứu cấp cơ sở được Hội đồng tư vấn KHCN thông qua trình thủ trưởng đơn vị phê duyệt thực hiện.

#### **Điều 42. Xét duyệt thuyết minh nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở**

1. Việc tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở là không bắt buộc. Thủ trưởng đơn vị cấp cơ sở có thể chỉ định tổ chức, cá nhân trực thuộc cơ quan hoặc mời tổ chức, cá nhân bên ngoài có khả năng, trình độ phù hợp với nhiệm vụ KHCN chủ trì thực hiện.

2. Việc tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở tương tự như nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh.

3. Thủ trưởng đơn vị cấp cơ sở thực hiện việc đánh giá hồ sơ giao trực tiếp, tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện các nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở thông qua Hội đồng tư vấn KHCN cấp cơ sở.

#### **Điều 43. Quản lý nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở**

1. Chức năng quản lý

a) Đối với cấp huyện: UBND cấp huyện thống nhất quản lý nhiệm vụ KHCN. Chủ tịch UBND cấp huyện ký quyết định phê duyệt nội dung và dự toán nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở; ký kết và thanh lý hợp đồng với tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở.

Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế và Hạ tầng tham mưu, giúp UBND cấp huyện tổ chức các Hội đồng tư vấn xét duyệt thuyết minh nhiệm vụ KHCN; tổ chức Tổ thẩm định kinh phí; tổ chức kiểm tra, đánh giá quá trình thực hiện nhiệm vụ KHCN; tham mưu việc điều chỉnh quá trình thực hiện nhiệm vụ KHCN (nếu có); tổ chức Hội đồng tư vấn nghiệm thu đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ KH&CN thực hiện chức năng quản lý nhà nước.

b) Đối với các sở, ban, ngành: Thủ trưởng đơn vị ký kết, thanh lý hợp đồng với tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở và ủy quyền cho Bộ phận quản lý khoa học và công nghệ của đơn vị theo dõi, kiểm tra, tổ chức đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ KHCN đã được ký kết.

c) Đối với nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở được hỗ trợ từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh: Thủ trưởng đơn vị cấp cơ sở thực hiện việc đánh giá hồ sơ nhiệm vụ thông qua Hội đồng tư vấn KHCN, ban hành quyết định phê duyệt nội dung nhiệm vụ KHCN, ký kết hợp đồng (sau khi đã được Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định dự toán kinh phí), thanh lý hợp đồng.

2. Việc thẩm định dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN thông qua Tổ thẩm định kinh phí.

a) Nhiệm vụ của Tổ thẩm định kinh phí là thẩm định sự phù hợp của các nội dung nghiên cứu với kết luận của Hội đồng, dự toán kinh phí của nhiệm vụ KHCN với chế độ quy định, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi tiêu hiện hành của nhà nước do các cơ quan có thẩm quyền ban hành để xác định: Chi phí công cho các thành viên thực hiện; chi phí thuê chuyên gia; kinh phí hỗ trợ mua nguyên vật liệu, thiết bị, các khoản chi khác, thời gian cần thiết để thực hiện.

b) Thủ trưởng đơn vị cấp cơ sở ra quyết định thành lập Tổ thẩm định. Tổ thẩm định kinh phí có 03-05 thành viên, gồm:

- Đối với cấp huyện: Lãnh đạo Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế và Hạ tầng, đại diện Phòng Kế hoạch - Tài chính và đại diện phòng chuyên môn liên quan thuộc UBND cấp huyện.

- Đối với các sở, ban, ngành: Thủ trưởng đơn vị, lãnh đạo bộ phận quản lý KHCN cấp cơ sở, đại diện bộ phận theo dõi về tài chính và đại diện các phòng, ban chuyên môn liên quan khác.

Trường hợp nhiệm vụ KHCN có tính phức tạp, thủ trưởng đơn vị cấp cơ sở có thể mời thêm từ 01-02 chuyên gia am hiểu sâu về lĩnh vực liên quan đến nhiệm vụ cần thẩm định vào Tổ thẩm định.

3. Hợp đồng được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận, bình đẳng, đúng pháp luật. Hợp đồng là cơ sở pháp lý chi phối quyền lợi và nghĩa vụ của các bên liên quan và là thành phần của hồ sơ quản lý đối với nhiệm vụ KHCN được triển khai.

#### 4. Kiểm tra tiến độ thực hiện

Tổ chức chủ trì có trách nhiệm báo cáo tiến độ thực hiện định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của đơn vị quản lý khoa học và công nghệ cấp cơ sở. Việc kiểm tra thực hiện theo quy định tại Điều 23 Quy chế này.

5. Việc điều chỉnh thời gian thực hiện nhiệm vụ thực hiện theo khoản 3 Điều 26 Quy chế này.

#### 6. Đánh giá, nghiệm thu

a) Đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN thực hiện theo Điều 25 và Điều 26 của Quy chế này.

b) Chậm nhất 15 ngày làm việc sau khi tổ chức chủ trì nhiệm vụ KHCN nộp sản phẩm đầy đủ và hợp lệ, đơn vị quản lý KHCN cấp cơ sở có trách nhiệm tham mưu thủ trưởng đơn vị tổ chức nghiệm thu chính thức;

c) Việc nghiệm thu chính thức tiến hành theo các bước sau:

- Thủ trưởng đơn vị ra quyết định thành lập Hội đồng tư vấn KHCN để đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN;

- Hội đồng nghiệm thu kết quả nghiên cứu theo mục tiêu, nội dung nghiên cứu, sản phẩm cần đạt được thể hiện trong hợp đồng và thuyết minh nhiệm vụ KHCN đã phê duyệt;

- Quy trình và thủ tục làm việc của Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở gồm các bước sau: Thư ký Hội đồng đọc quyết định thành lập Hội đồng, giới thiệu thành phần Hội đồng và các đại biểu tham dự; Chủ tịch Hội đồng chủ trì phiên họp nghiệm thu; chủ nhiệm nhiệm vụ báo cáo kết quả nghiên cứu; Hội đồng đặt câu hỏi để làm rõ kết quả đã triển khai; ủy viên phản biện nêu nhận xét kết quả nghiên cứu bằng văn bản; Hội đồng nghiệm thu tiến hành thảo luận và bỏ phiếu đánh giá kết quả; Chủ tịch Hội đồng phát biểu ý kiến kết luận về kết quả đánh giá của Hội đồng; Hội đồng thông qua biên bản và kết quả bỏ phiếu.

#### 7. Thanh lý hợp đồng

a) Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ KHCN hoàn chỉnh báo cáo kết quả nhiệm vụ KHCN theo kết luận của Hội đồng nghiệm thu và giao nộp sản phẩm cho đơn vị quản lý trong vòng 15 ngày; thực hiện việc quyết toán kinh phí theo quy định; hoàn trả kinh phí thu hồi từ nhiệm vụ KHCN (nếu có).

b) Việc đăng ký, lưu giữ kết quả nhiệm vụ KHCN thực hiện theo khoản 2 Điều 32 của Quy chế này. Đồng thời, gửi 01 bộ hồ sơ gốc và 01 bản điện tử của



nhiệm vụ KHCN cho Sở Khoa học và Công nghệ để thực hiện cập nhật cơ sở dữ liệu vào Phần mềm Quản lý nhiệm vụ KHCN.

c) Việc thanh lý hợp đồng được tiến hành sau khi hoàn thành tại điểm a và b của khoản này.

**8. Công nhận và chuyển giao kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN**

a) Hồ sơ công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN thực hiện theo khoản 1 Điều 33 của Quy chế này.

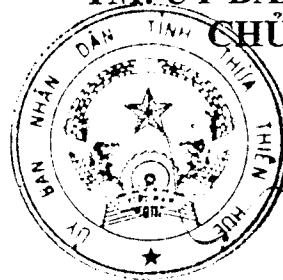
b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi đủ các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều 33 của Quy chế này, thủ trưởng đơn vị cấp cơ sở có trách nhiệm xem xét, ban hành quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ; đồng thời chuyển giao kết quả nghiên cứu nhiệm vụ KHCN cho các cơ quan, tổ chức liên quan nghiên cứu ứng dụng.

**Điều 44. Trách nhiệm hướng dẫn thực hiện**

1. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn và chủ trì tổ chức thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức và cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Phan Ngọc Thọ**